

Trí tuệ và Bản lĩnh Việt

trong cuộc chiến chống khủng hoảng và lạm phát...

TS. NGUYỄN MINH PHONG
VIỆN NGHIÊN CỨU KT-XH HÀ NỘI

Lần thứ ba đất nước ta lại đang đứng trước thách thức của cơ chế thị trường và hội nhập, sau khi vượt qua lần đầu vào những năm 1986-1992, lần hai vào năm 1997-1998, 3 cuộc khủng hoảng thế giới, khu vực tác động đến Việt Nam và là dịp bộc lộ Trí tuệ và Bản lĩnh Việt Nam....

Lựa chọn con đường đổi mới và chủ động hội nhập quốc tế để đẩy nhanh và nâng cao chất lượng phát triển theo hướng bền vững, Việt Nam đã, đang và sẽ còn phải tiếp tục đối diện với nhiều thử thách đa dạng, trong đó có các cú sốc và thậm chí không loại trừ cả các cuộc khủng hoảng kinh tế với các tính chất và quy mô tác động khác nhau, xuất phát từ trong ra, cũng như từ ngoài vào, như là một tất yếu kinh tế và giá phải trả cho quá trình phát triển trong một thế giới ngày càng “phẳng” hơn, có tính liên kết mở và cạnh tranh hơn...

Cuộc khủng hoảng những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX có liên quan tới sự đổ vỡ mô hình kinh tế Xô

☞ hệ thống gặp khó khăn mới vỡ lở ra biết bao nhiêu vấn đề nhức nhối: tăng trưởng tín dụng *quá* nóng, cho vay để kinh doanh chứng khoán, kinh doanh bất động sản *quá* nhiều... Cái gì cũng “*quá*” hết thì tại sao không bắt dừng lại ngay khi nó chưa “*quá*”? Sinh ra để làm kiểm soát, để ngăn chặn những hiện tượng vi phạm pháp luật, hơn thế nữa, đây là kiểm soát hoạt động ngân hàng- hoạt động kinh doanh loại hàng hóa mà sự biến động bất thường của nó có thể làm khuynh đảo các hoạt động đời sống kinh tế xã hội, ảnh hưởng đến sự phồn thịnh hoặc suy vong của quốc gia- hàng hóa tiền tệ, rõ ràng không thể thiếu sự thận trọng được. Cuộc khủng hoảng toàn cầu, bắt đầu từ Mỹ gắn liền với hoạt động cho vay bất động sản trong hệ thống ngân hàng là bài học kinh nghiệm cho toàn hệ thống Ngân hàng Việt Nam nói chung và cho hoạt động kiểm soát nói riêng. Do vậy *việc củng cố hoạt động kiểm soát là việc không thể chậm trễ.*

Tóm lại, ba quý của năm 2008 đã trôi qua, cũng trong thời gian ấy có thể khẳng định được sự kiên định, đồng lòng chống lạm phát của cả nước, từ Chính phủ đến các bộ, ngành. Định hướng và các giải pháp cho thị trường tài chính ngân hàng cũng đã và đang phát huy tác dụng và thực sự mang lại những hiệu quả thiết thực, hơn thế nữa, tình hình thị trường tài chính thế giới lại đang có nhiều sáng sửa, trong điều kiện đó thì khả năng trụ vững của thị trường tài chính- ngân hàng Việt Nam trước “*cơn bão*” tài chính toàn cầu là hoàn toàn có thể ■

Tài liệu tham khảo:

- 1 Tài chính cho tăng trưởng, WB
- 2 Châu Á, từ khủng hoảng nhìn về thế kỷ 21
- 3 Tạp chí Công nghệ ngân hàng
- 4 Website của NHNN và một số NHTM
- 5 Một số trang web khác



Viết, kết thúc chiến tranh lạnh trên phạm vi toàn cầu, mở đầu cho thời kỳ đổi mới và chuyển sang mô hình kinh tế thị trường của Việt Nam. Đây là giai đoạn khó khăn nhất, liên quan đến sự an nguy, “tồn tại hay không tồn tại” của thể chế, với việc mất đi nhiều nền tảng truyền thống, chỗ dựa về tư tưởng, kinh tế, quân sự và cả tinh thần của Việt Nam... Bằng sự thông minh, dũng cảm và bản lĩnh cách mạng, dựa vào sự đồng thuận và tin tưởng của nhân dân, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo đất nước vượt qua những năm tháng khó khăn to lớn, mới mẻ, chưa có tiền lệ lịch sử cả ở phạm vi quốc gia, cũng như trên thế giới.

Cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ những năm 1997-1998, khởi đầu từ sự đổ vỡ hệ thống tỷ giá cố định duy ý chí của đồng Bạc Thái Lan, do thị trường bất động sản từ phát triển quá nóng dựa trên các khoản vay tín dụng quốc tế “rẻ” bị đột ngột chuyển sang đình trệ và cộng hưởng bởi sự phá hoại của đầu cơ tiền tệ quốc tế, đã bùng phát và lan toả trên toàn Châu Á, ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp và gián tiếp đến các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Cũng bằng sự bình tĩnh, tự tin, năng động và cả một chút “may mắn” do chưa hội nhập khu vực sâu, chúng ta đã vượt qua với phí tổn ít nhất so với các nước khu vực.

Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ hiện nay khởi đầu từ sự lạm dụng cho vay kinh doanh bất động sản dưới chuẩn và sự bùng nổ của các chứng khoán nợ phái sinh đang cho thấy những hệ lụy và các chi phí giải cứu đất đỏ toàn cầu với các “gói” giải pháp trị giá hàng ngàn tỷ USD của Mỹ, cũng như của các nước Châu Âu, Châu Á và nhiều nước khác trên thế giới. Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục chịu các tác động của cuộc khủng hoảng này từ nhiều phía, trước hết liên quan đến khó khăn về thị trường xuất khẩu, sụt giảm nguồn cung ngoại tệ từ xuất khẩu, kiều hối, đầu tư gián tiếp trên thị trường chứng khoán và FDI; ngoài ra, cuộc khủng hoảng còn làm phức tạp thêm lời giải trong cuộc chiến với lạm phát đang trong giai đoạn quyết định ở Việt Nam... Tuy nhiên, thực tế cho thấy chúng ta đang đi đúng hướng và chắc chắn sẽ vượt lên một cách an lành như những cuộc khủng hoảng trước. Hơn nữa, điều kiện hiện nay của Việt Nam có nhiều điểm thuận lợi hơn trước kia, cả về thế và lực, cũng như về bản lĩnh và kinh nghiệm đối phó với khủng hoảng.

Có thể nói, cả 3 cuộc khủng hoảng trên đều có chung nguyên nhân là vi phạm các “luật chơi” trong đời sống kinh tế và xã hội. Cả 3 cuộc khủng hoảng đều cho thấy sự bình tĩnh, tự tin, năng động và sáng tạo sẽ cho phép Việt Nam tìm ra lời giải tối ưu xử lý các vấn đề trong nước và góp phần

tích cực vào sự phát triển ổn định chung của khu vực và thế giới.

Mỗi khi có khủng hoảng, trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam lại được dịp bộc lộ và phát huy, tinh thần đoàn kết và sự đồng thuận trong cộng đồng Việt Nam lại được dịp thử thách và củng cố, sự chỉ đạo về mặt Nhà nước được tăng cường, trở nên tập trung, nhất quán hơn và có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các cấp, ngành và địa phương, sử dụng đồng bộ và linh hoạt hơn các giải pháp hành chính và thị trường theo hướng toàn diện và “sóc” hơn; Những chủ trương và quyết sách được đề ra vào các thời điểm này cũng thường minh mẫn, đúng đắn, đồng bộ, thiết thực và có ý nghĩa lâu dài hơn... Tuy nhiên, điều cốt lõi là mỗi quốc gia, mỗi Chính phủ phải có đủ dũng cảm để thực hiện một cách đầy đủ những quyết sách của mình có hiệu lực, hiệu quả thường xuyên trên thực tế, tránh hình thức, “đánh trống bỏ dùi” và chú ý hơn đến chọn lọc, ưu tiên thực hiện chính sách trọng tâm phù hợp mục tiêu từng giai đoạn cụ thể theo sát thực tiễn, tránh việc “cào bằng” chính sách; cũng như xử lý các tác động mặt trái của những chính sách và điều chỉnh những bất cập mới phát sinh của chúng trong thực tiễn. Nhân dân ta có truyền thống lạc quan và tiết kiệm, biết tự lượng sức mình “trông giò bỏ thóc”, không “bóc ngắn cắn dài”, giàu ý chí, sự thông minh và năng động thích nghi với những thách thức đủ loại trong cuộc sống để sinh tồn và phát triển. Hơn nữa, các doanh nhân Việt Nam cũng chuộng phương châm “ăn chắc mặc bền”, không ưa mạo hiểm cao như các doanh nhân Mỹ. Có thể nói không quá rằng, chính những phẩm chất trên và sự đồng thuận của toàn dân với các mục tiêu chính sách lựa chọn của Chính phủ đã góp phần không nhỏ cho sự thành công của các cuộc chiến chống khủng hoảng và lạm phát ở Việt Nam cả trong quá khứ, hiện tại, lẫn tương lai... Trong thời gian tới, *một mặt*, cần phát huy những phẩm chất này như một nguồn lực quý báu trong phát triển của đất

nước, mặt khác, cũng không nên lạm dụng sự chịu đựng của người dân, nhất là nông dân và người nghèo...

Nhờ trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam, trên thực tế, nhất là từ nửa cuối năm 2008, đã và đang xuất hiện một số dấu hiệu mới tích cực cho phép cảm nhận về sự chuyển sáng dần của bức tranh triển vọng kinh tế nước ta trong thời gian tới, nổi bật là: Đang có sự cải thiện dần các chỉ số lạm phát và thâm hụt thương mại, mối lo về cuộc khủng hoảng tiền tệ đã dịu đi; Thanh toán quốc tế vẫn được duy trì ổn định, sự căng thẳng thâm hụt trong cán cân thanh toán đang dần được cải thiện, dự trữ ngoại tệ được bảo tồn và tăng thêm; Thị trường nội tệ và ngoại tệ đã có sự ổn định trở lại, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ trên thị trường "chợ đen" đã giảm sâu. Thâm hụt thương mại được cải thiện rõ rệt. Các khu vực kinh tế lấy lại đà tăng trưởng khá ổn định, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản đang cho thấy có sự phục hồi dần, tuy chậm, nhưng khá vững chắc; Thị trường bất động sản đang dần ấm lên; Tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam hiện vẫn thuộc hàng dẫn đầu các nước khu vực. Sự mở rộng các mặt hàng sản xuất xuất khẩu là rất ấn tượng. Uy tín và "thương hiệu Việt Nam" đang ngày càng được củng cố trong sự nhìn nhận và lựa chọn của thế giới; thu hút vốn đầu tư nước ngoài đang có những dấu hiệu rất tốt, đặc biệt kết quả thu hút FDI đạt mức kỷ lục chưa từng có trong lịch sử đất nước; Dòng đầu tư gián tiếp nước ngoài cũng có dấu hiệu gia tăng trở lại; Xu hướng đẩy mạnh mua vào cổ phiếu các ngân hàng Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng đậm nét hơn; Các nhà đầu tư nước ngoài dường như đã bước sang giai đoạn tăng tốc chiếm lĩnh thị trường Việt Nam. Thế giới đang hiểu và xích gần Việt Nam hơn. Đặc biệt, trong chuyến công tác Việt Nam trung tuần tháng 9/2008, Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB) James Adam nhận định: "Việt Nam đã có những bài học về điều

hành kinh tế vĩ mô để kiềm chế, giảm lạm phát, qua đó duy trì tăng trưởng, mọi khó khăn đang được khắc phục dần dần. Chính phủ đã hành động quyết liệt kiềm chế lạm phát và đã đạt được nhiều kết quả... Chính phủ Việt Nam đã có những quyết định thích hợp. Đến giờ vẫn chưa có dấu hiệu rủi ro nào trong các quyết định... Việt Nam có thể sẽ thành nước có thu nhập trung bình, thoát khỏi danh sách các nước nghèo của WB trong vòng 3 năm tới". Việt Nam được các nhà đầu tư Nhật Bản đánh giá là địa điểm sản xuất tốt nhất ở châu Á trong vòng 5 - 10 năm tới. Nhiều doanh nhân, nhà đầu tư nước ngoài khác cũng đã đánh giá Việt Nam như một con rồng kinh tế mới, đang chuyển mình nhanh chóng và sẽ trở thành một trong những nền kinh tế năng động nhất và hứa hẹn nhất khu vực.

Tuy nhiên, cần thấy rằng trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam đang và sẽ còn được thử thách và nâng cao. Kết quả chống lạm phát, vượt qua khủng hoảng thế giới và triển vọng phát triển kinh tế bền vững ở nước ta đã, đang và sẽ còn tùy thuộc rất lớn vào quyết tâm và cách thức tháo gỡ các "nút thắt" sau:

Thứ nhất, tuân thủ các yêu cầu, lần quy trình của kinh tế thị trường, coi trọng tính đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm của các mục tiêu, loại công cụ chính sách và sự phối hợp ăn khớp cần có giữa các cơ quan chức năng hữu quan, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế-xã hội.

Cần sớm khắc phục một số những vướng mắc, mâu thuẫn trong nhận thức về quyền lực chủ quan của nhà nước với sức mạnh thị trường khách quan; tính ôm đồm đa mục tiêu với tính cụ thể và có hạn trong hoạch định kế hoạch phát triển ngắn và trung hạn vĩ mô và vi mô; sự chi phối ít nhiều bởi tư duy nhiệm kỳ và lợi ích cục bộ, địa phương, của sự "vận động hành lang" và cơ chế quan liêu, hình thức... đã, đang và sẽ từng ngày, từng giờ tồn tại và phát tán tiêu cực, làm đình trệ, hạn chế, thậm chí biến dạng công cuộc đổi mới

và hội nhập quốc tế của đất nước.

Cần cắt giảm các chi tiêu công không mang tính sản xuất và không phục vụ cho các mục tiêu bảo đảm xã hội, cũng như vào việc cải thiện căn bản cơ cấu và hiệu quả sử dụng vốn vay của khối các đại gia tổng công ty và tập đoàn doanh nghiệp nhà nước, mà hiện đang chiếm giữ tới hơn 50% vốn đầu tư nhà nước, 70% tổng dư nợ quốc gia và hơn 80% tổng dư nợ tín dụng. Chắc chắn lạm phát (bao gồm cả lạm phát tiền tệ, lẫn lạm phát cơ cấu và lạm phát chi phí đẩy) sẽ gia tăng áp lực nếu không ngăn chặn kịp thời "sự liên minh ma quỷ" giữa các tập đoàn, tổng công ty nhà nước với các ngân hàng thương mại nhà nước và các quan chức có liên quan trong việc vay và cho vay vốn, đầu tư chéo, đầu tư đa ngành hàng ngàn tỷ đồng mang nặng tính đầu cơ, trục lợi cá nhân hoặc phe nhóm, lũng đoạn thị trường và lãng phí các nguồn lực quốc gia.

Cần hỗ trợ sự hình thành những tập đoàn kinh tế mạnh trong khu vực nhà nước, lẫn cả trong khu vực ngoài nhà nước, sao cho chúng đủ sức trở thành đối tác bình đẳng với các công ty nước ngoài không chỉ trên thị trường nội địa, mà còn cả trên thị trường khu vực và quốc tế; Đặc biệt, cần nâng cao chất lượng xây dựng các quy hoạch, dự án; thực hiện nghiêm túc các quy định về đấu thầu thực chất tăng cường kiểm toán độc lập, xây dựng và áp dụng rộng rãi hệ thống chỉ tiêu hiệu quả và hệ số tín nhiệm. Về dài hạn, cần chuyển nhanh từ mô hình "nhà nước - nhà đầu tư lớn nhất" và phát triển chủ yếu theo bề rộng hiện nay, sang mô hình "nhà nước - nhà quản lý công" và phát triển theo bề sâu, đi đôi với việc chuyển nguồn động lực chính trong đầu tư phát triển kinh tế từ khu vực kinh tế nhà nước sang khu vực kinh tế ngoài nhà nước, phù hợp tinh thần cốt lõi của công cuộc đổi mới và theo xu hướng chung trên thế giới.



Hơn nữa, thực tiễn chỉ ra rằng, nếu chỉ trả giá cả về cho thị trường, mà không trả sự cạnh tranh cần thiết về cho thị trường trong việc hình thành giá cả, là dễ tạo ra sự lạm dụng và mang lại lợi ích độc quyền kép cho các doanh nghiệp đang hoặc gần như độc quyền kinh doanh các mặt hàng này. Vì vậy, cần sớm thiết lập cơ chế thị trường cạnh tranh đầy đủ có sự kiểm soát một cách hiệu quả đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chưa tự do hóa cao như ngành than và kinh doanh xăng dầu, và một số mặt hàng khác, mà cụ thể là phải tạo ra sự cạnh tranh đầy đủ và lành mạnh trong việc cung cấp các sản phẩm và nguyên, nhiên liệu đầu vào thiết yếu của nền kinh tế, rồi mới bãi bỏ sự kiểm soát hành chính về giá cả. Đồng thời, cần nâng cao năng lực và hiệu quả trên thực tế của chính phủ trong công tác giám sát, kiểm soát và xử lý sự độc quyền và các vi phạm về giá từ phía các doanh nghiệp và các bên có liên quan. Các giải pháp và công cụ chính sách cần có trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa chủ trương và cơ chế tổ chức thực hiện trong thực tiễn; đồng thời, cần có sự đồng bộ, nhất quán giữa việc ban hành,

triển khai, giám sát, kiểm tra và chế tài hiệu quả các vi phạm chính sách trên thực tế... Trước mắt, cần tăng cường công tác kiểm toán giá và các chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp độc quyền hoặc gần như độc quyền để giảm thiểu các chi phí không hợp lý, làm giảm giá thành đầu ra của các sản phẩm của chúng, từ đó giúp giảm giá đầu vào của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, góp phần hạ mức giá chung và nâng cao sự lành mạnh của thị trường và sự bình đẳng của xã hội, ngăn chặn hiện tượng lạm dụng trục lợi cá nhân, thậm chí biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp, phường hội và phe nhóm... Về dài hạn, yêu cầu về tổ chức lại nền kinh tế và các doanh nghiệp trong nước sẽ cấp thiết hơn nhằm tăng cường sự hợp tác, gắn kết, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, cũng như hiệu quả đầu tư kinh tế-xã hội nói chung.

Thứ hai, nâng cao chất lượng công tác thông tin, dự báo, phản biện và chủ động các phương án và giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn khủng hoảng...

Cần coi trọng đúng mức và phân biệt rạch ròi giữa yêu cầu

dự báo khách quan với mục tiêu chính sách và ý chí chủ quan. Dự báo cần bám sát, cập nhật và đưa ra các cảnh báo cần thiết về các biến động thị trường khách quan trong nước và quốc tế. Đồng thời, cần coi trọng dự báo tác động 2 mặt của chính sách theo yêu cầu quản lý kinh tế thị trường. Việc dự báo, đánh giá tác động 2 mặt tích cực và tiêu cực cả về xu hướng định tính, lẫn về định lượng của việc áp dụng các chính sách và định mức cụ thể trong quá trình điều hành kinh tế vĩ mô của nhà nước là rất quan trọng, nhất là với những mặt hàng đầu vào nhạy cảm của đời sống kinh tế-xã hội đất nước. Cả về lý thuyết, lẫn thực tế đều cho thấy, xuất phát từ lợi ích hoặc mục tiêu cục bộ hạn hẹp của ngành và đơn vị mình, cũng như cả từ các sức ép đa chiều khác, các cá nhân hoặc tổ chức được phân công thực hiện dự báo, nếu có lợi ích gắn liền hoặc bị chi phối cao bởi các đơn vị kinh doanh độc quyền nêu trên, chắc chắn trong quá trình tiến hành và công bố kết quả dự báo sẽ khó bảo đảm việc tính đúng, tính đủ và công khai các tác động 2 mặt, nhất là mặt trái và các hệ lụy

dây chuyền khôn lường do những chính sách và mức giá mà họ đề nghị và mượn tay chính phủ áp đặt cho xã hội.

Việc coi nhẹ các phản biện xã hội và các đánh giá tác động chính sách (định kỳ hoặc đột xuất) trước và sau khi ban hành do các tổ chức chuyên nghiệp và độc lập thực hiện theo đặt hàng của cấp có thẩm quyền khách quan cũng là một bất cập khác trong quy trình lập pháp nói chung, trong công tác dự báo kinh tế nói riêng ở nước ta. Việc thành lập bổ sung mạng lưới các cơ quan có chức năng chuyên trách xây dựng, phản biện và đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước các cấp từ TW xuống các địa phương, trước hết là các Phòng Chính sách và Dự báo kinh tế ở các sở kinh tế tham mưu tổng hợp cho chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW (như sở KH&ĐT, sở Tài chính...) là cần thiết để khắc phục các hạn chế này, nhất là trong việc sớm phát hiện các bất cập, ngăn chặn sự lạm dụng và đề xuất các bổ sung cần thiết kịp thời cho các chính sách mà TW đã ban hành.

Ngoài ra, cần coi trọng việc xây dựng hệ thống số liệu và dữ liệu thông tin chuyên ngành trực tiếp phục vụ công tác dự báo kinh tế; khắc phục tình trạng phân tán, chia cắt, rời rạc, đống băng và thiếu chuẩn hóa thống nhất giữa các nguồn và đơn vị quản lý thông tin, nhất là không được phổ biến rộng rãi, công khai, gây khó khăn và đất đỏ cho các đơn vị và cá nhân có nhu cầu tiếp cận, khai thác và sử dụng các thông tin này, cũng như tạo ra những cơ hội thu lợi bất chính cho các tổ chức và cá nhân quản lý các thông tin đó, đồng thời làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế và gia tăng sự lãng phí các nguồn lực xã hội. Chính phủ cần có nghị quyết chuyên đề về việc xây dựng hệ thống thông tin và dữ liệu kinh tế các cấp, cả về hệ thống các chỉ tiêu, bộ máy tổ chức và kinh phí thường xuyên, cũng như cơ chế khai thác tài

nguyên thông tin quốc gia này một cách minh bạch, công khai và thuận lợi, giá rẻ, dựa trên các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, nhằm phục vụ các nhu cầu về thông tin kinh tế nói chung, phục vụ công tác dự báo kinh tế nói riêng. Với tinh thần đó, các chỉ tiêu cần thiết phục vụ dự báo kinh tế cần được đưa bổ sung vào hệ thống số liệu thống kê kinh tế chính thức hàng năm của ngành thống kê. Cần nhấn mạnh rằng, việc làm tốt công tác xây dựng chuỗi số liệu cần thiết trong các chỉ tiêu thống kê quốc gia và chuyên ngành hàng năm tự nó cũng có giá trị dự báo và cảnh báo rất cao trong quản lý kinh tế nhà nước các cấp.

Ngoài ra, cần đảm bảo tính chuyên nghiệp và sự phối hợp ăn khớp cần có giữa các cơ quan chức năng và các loại công cụ dự báo, giữa công tác dự báo với công tác tổ chức thực hiện. Dự báo tốt giúp các cơ quan quản lý nhà nước nâng cao hiệu quả điều hành thực tiễn. Còn việc bám sát thực tiễn điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước sẽ giúp công tác dự báo thêm cơ sở tin cậy và mềm dẻo, chính xác hơn.

Trên cơ sở các kết quả dự báo, phản biện đó và các yếu tố cần thiết khác, cần chủ động có các phương án, đối sách phòng ngừa hiệu quả cho mọi tình huống khủng hoảng với giả định mức xấu nhất có thể xảy ra. Bất luận trong tình huống nào, cũng cần coi trọng tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận xã hội, lợi ích quốc gia và phát huy sức mạnh tổng hợp, các nguồn lực trong và ngoài NSNN, trong nước và nước ngoài...

Thứ ba, trọng dụng người tài và coi trọng cuộc đấu tranh không khoan nhượng với tệ nạn tham nhũng là biểu hiện, điều kiện và giải pháp cần thiết để củng cố bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong quá trình phát triển....

Tham nhũng làm thất thu và thất thoát, cũng như làm giảm hiệu quả chi NSNN, làm nản lòng các nhà đầu tư trong và

ngoài nước, làm giảm hiệu lực những luật định quản lý kinh tế - xã hội (nhất là với chính sách chống đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả...), làm gia tăng tình trạng rối loạn kỷ cương xã hội, mất đoàn kết và uy tín quốc gia, gây cản trở cho sự vận hành thông suốt của nền kinh tế với tư cách một chỉnh thể tự nhiên, làm giảm hiệu lực và hiệu quả các chính sách, uy tín nhà nước, gây tổn thất to lớn, khó lường cho đất nước, là trở ngại lớn nhất, thách thức lớn nhất, kẻ thù nguy hiểm nhất từ bên trong đối với công cuộc đổi mới và phát triển ở Việt Nam... Tham nhũng làm tăng các xung lực gây ra khủng hoảng và lạm phát, đồng thời làm trầm trọng thêm những hậu quả của chúng, làm giảm kết quả những chính sách chống khủng hoảng và lạm phát của Chính phủ. Chống tham nhũng ở Việt Nam thực chất là cuộc đấu tranh về "giá cả của những con dấu và chữ ký". Đối tượng của nó hạn hẹp, nhưng phức tạp. Tính phức tạp này gắn liền với sự chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ của những đổi mới các cơ chế kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước, cũng như bởi sự suy giảm chất lý tưởng trong nhận thức chính trị của một số quan chức nhà nước ở vào giai đoạn chuyển đổi đầy cam go này. Nếu cuộc đấu tranh này bị xem nhẹ thì không những không thể ngăn chặn và giải quyết hiệu quả các cuộc khủng hoảng và lạm phát tương lai, mà còn nảy sinh nguy cơ đưa cuộc cải cách kinh tế hiện nay thoát khỏi sức mạnh của luật pháp, từ bỏ lợi ích cộng đồng, để thiên về lợi ích phe phái. Khi đó, hậu quả tiêu cực tham nhũng gây ra cho nền kinh tế - xã hội sẽ rất phức tạp, to lớn và khó lường... Vì thế, để củng cố bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong tương lai không thể không bao hàm nội dung chống tham nhũng triệt để. Nhằm mục đích đó, cần phải: Dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội phải được tăng cường, đi

đôi với xây dựng một nhà nước pháp quyền mạnh. Pháp luật là tối cao, không có cá nhân nào đứng trên pháp luật; Lấp kín những lỗ hổng luật pháp mà có thể là nơi xuất phát và ẩn nấp của tệ tham nhũng. Hệ thống luật pháp phải rõ ràng, đồng bộ và nhất quán, đồng thời mang tính hiện đại, theo kịp trình độ phát triển luật pháp và thông lệ quốc tế. Các thủ tục hành chính phải đơn giản hóa, công khai, công bằng, thống nhất, nhanh chóng và trực tiếp. Việc phân định nhiệm vụ, quyền hạn trong hệ thống cơ quan hành chính phải gắn liền với tăng cường trách nhiệm trực tiếp và cuối cùng của chúng. Bảo đảm mọi tài sản xã hội, mọi luật định và mọi công việc nhà nước đều có người chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm hình sự cụ thể, rõ ràng; Tạo lập cơ chế phòng ngừa và trấn áp tham nhũng có hiệu lực. Phát triển hệ thống tư pháp và thực hiện rộng rãi tự do báo chí, ngôn luận. Mọi khiếu nại của công dân và doanh nghiệp phải được xét xử nhanh và thoả đáng trên cơ sở pháp luật. Xây dựng đội ngũ công an kinh tế lẫn công an hình sự mạnh, chỉ hành động theo pháp luật và bản thân cũng phải được sự bảo vệ của pháp luật thường xuyên tiến hành “tẩy rửa” bộ máy nhà nước từ trên xuống. Tập trung quyền lực cho người đủ uy tín và năng lực để độc lập thực hiện những chiến dịch kiểu “bàn tay sạch” ở Ý, bắt đầu từ những khâu, đầu mối quan trọng nhất để tạo và nhân lên kết quả dây chuyền. Kiên quyết loại bỏ những phần tử và cả những bộ phận quan chức tham nhũng. Mặt khác, ngày càng cải thiện đời sống cho công chức nhà nước, bảo đảm sự tin tưởng và an toàn vào cuộc sống tương lai của họ để họ an tâm công tác, không cần phải tham nhũng vì túng thiếu. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công tác quản lý nhà nước. Hiện đại hóa các công nghệ quản lý nhà

nước, đi đôi với nâng cao đạo đức, lý tưởng và năng lực nghiệp vụ chuyên môn của công chức nhà nước...

Việt Nam không thiếu vốn và tài nguyên (cả vật chất, lẫn nguồn nhân lực), không thiếu các cơ hội kinh doanh cả trong và ngoài nước, nhưng hiện đang thiếu một cơ chế đào tạo, tập hợp và trọng dụng nhân tài - tức những lao động có trình độ cao, các nhà khoa học, các chuyên gia cao cấp, các nhà tổ chức và kinh doanh tài ba .v.v. trong tất cả các lĩnh vực: nghiên cứu, tư vấn, hoạch định chính sách và quản lý nhà nước, cũng như trong kinh doanh và quản lý kinh doanh. Họ chính là những nhà thiết kế, tổ chức và trực tiếp sử dụng tốt nhất các yếu tố về lao động, vốn, tài nguyên và cơ hội kinh doanh nói trên. Hoạt động của họ sẽ là chất keo kết dính các nhân tố, và tạo ra động lực mạnh mẽ hàng đầu cho sự phát triển đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam hiện đại. Cơ chế đào tạo, tập hợp và trọng dụng nhân tài đó trong tương lai phải bao hàm những khía cạnh: Tạo sự di chuyển chất xám tự do trong thị trường lao động theo “quy luật tối ưu” của tự nhiên, thoả mãn các điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho nhân tài (lương, điều kiện học tập, lao động, khả năng tiếp cận các thông tin và công nghệ mới, sự tôn trọng về tinh thần và thăng tiến cá nhân...). Bảo đảm nguyên tắc “người nào - việc nấy”. Không thể để tiếp diễn tình trạng người biết làm việc thì không có việc làm, người được làm việc lại không biết cách hoặc làm việc kém hiệu quả. Các quan chức hành chính không thể đứng thay vào vị trí của các nhà khoa học và các doanh nhân thực thụ. Loại hình lao động quản lý làm thuê cần được coi trọng phát triển để đáp ứng nhu cầu về giám đốc cho các công ty cổ phần (kể cả cho các doanh nghiệp nhà nước tương lai trong nền kinh tế nước ta. Các thang bậc giá trị xã hội phải có sự thay đổi: Không chỉ các vị lãnh đạo nhà nước, mà cả

các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, doanh nhân, lao động lành nghề, các chuyên gia trong mọi lĩnh vực ngành nghề kinh tế - xã hội đều phải được tôn trọng và đối xử như nhau trong dư luận xã hội và trong thụ hưởng lợi ích vật chất tương xứng với tài năng và đóng góp có ích cho xã hội của họ. Phải coi trọng việc phát hiện, lựa chọn và sử dụng đúng những nhân tài đầu đàn, nếu chọn sai đầu đàn thì cả đội ngũ sẽ kém hiệu lực; cần tái lựa chọn liên tục, lấy hiệu quả công việc làm cơ sở đánh giá và lựa chọn chứ không phải bằng cấp, học vị, chức tước. Trong mọi thời kỳ phát triển của đất nước, phải bảo đảm duy trì nguyên tắc mọi lao động trong xã hội đều sống được bằng lao động chuyên môn của mình. Lợi ích kinh tế cá nhân phải được tôn trọng cùng với lợi ích cộng đồng và xiết chặt kỷ luật lao động. Không chỉ sử dụng biện pháp giáo dục hành chính, mà còn cần dùng cả biện pháp cạnh tranh - thất nghiệp để nâng cao hiệu quả và kỷ luật lao động. Tăng cường kiểm tra, thanh lọc và trừng phạt những lao động lười biếng, gian dối, kém hiệu quả. Ngoài ra, cần nhấn mạnh rằng sự tồn tại đông đảo lực lượng lao động có thu nhập thấp, kém đào tạo tay nghề và những người nghèo khổ, trong khi hệ thống an sinh xã hội chưa được coi trọng phát triển sẽ luôn luôn là nguồn xung lực tiềm tàng gây ra sự bất ổn về kinh tế xã hội, thậm chí đe dọa sự tồn tại của cả chế độ chính trị của bất kỳ quốc gia nào.

Đặc biệt, cần quan tâm giải quyết tốt nhu cầu cần về xây dựng, củng cố và phổ biến rộng rãi nhận thức về các giá trị xã hội chuẩn chung nhằm tạo sự đồng thuận xã hội rộng rãi trong nước và quốc tế, kể cả với Việt Kiều, tạo thước đo tin cậy trong định hướng, đánh giá các hoạt động kinh tế - xã hội, cũng như nhu cầu về xây dựng các thiết chế đủ hiệu lực bảo vệ, phát huy hiệu quả các nguồn lực và sức mạnh của quốc gia, của các địa phương và doanh nghiệp trong nước và quốc tế cho phát triển bền vững ■